

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH D**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2023
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH D**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Dũng

2. Bà Đinh Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa:

Ông Tăng Bá Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 43/2023/TLST- HNGĐ ngày 13/02/2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXX-ST ngày 29 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1997

Nơi cư trú: Thôn X, xã N, thị xã K, tỉnh D

- Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1994

Nơi cư trú: KDC P, phường T, thị xã K, tỉnh D.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản tự khai và các biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:

Chị và anh Phạm Văn H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là phường T), thị xã K, tỉnh D vào ngày 10/5/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn tại gia đình nhà chồng tại KDC P, phường T, thị xã K thì vợ chồng chuyển ra ở riêng, thuê nhà và sinh sống tại xã N, thị xã K. Quá trình chung sống, chị và anh H chung sống hòa thuận đến cuối năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh H chơi bời, không chịu làm ăn, không quan tâm gì đến

chị dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung. Do mâu thuẫn vợ chồng, anh H đã về nhà bố mẹ đẻ của anh H tại phường T, thị xã K ở, còn chị về nhà bố mẹ đẻ của chị tại xã N sinh sống, mỗi người một nơi chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- Về nuôi dưỡng con chung: Chị L xác định, chị và anh H không có con chung. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai anh Phạm Văn H trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn anh H xác định như Chị L trình bày. Sau khi kết hôn, anh và Chị L chung sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, không có tiếng nói chung. Do mâu thuẫn vợ chồng, anh đã chuyển về bố mẹ đẻ của anh ở phường T sinh sống, từ đó vợ chồng mỗi người một nơi chấm dứt về mặt tình cảm, kinh tế. Anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và Chị L có nhiều mâu thuẫn và không thể đoàn tụ được với nhau. Việc Chị L xin ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý.

- Về nuôi dưỡng con chung: Anh H xác định vợ chồng không có con chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Bùi Thị L xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn. Chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh H.

Bị đơn anh H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn Chị L có mặt tại phiên Tòa là đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt là không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án Chị L, anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, tại phiên tòa **Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh H**. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của Chị L, xử cho Chị L được ly hôn với anh H là phù hợp với thực tế về mâu thuẫn vợ chồng. Về con

chung: Chị L, anh H đều xác định không có con chung. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị L, anh H đều không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn là anh Phạm Văn H cư trú, sinh sống tại phường T, thị xã K, tỉnh D. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh D. Anh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập đến lần thứ hai nhưng anh Hn vắng mặt. Do vậy, HĐXX xét xử vắng mặt anh Kiên là phù hợp quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị L, anh H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T), thị xã K, tỉnh D vào ngày 10/5/2018 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai của các đương đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, thì thấy về thời gian mâu thuẫn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với nhau, có đủ cơ sở để xác định: Trong quá trình chung sống vợ chồng Chị L, anh H xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do các bên không còn sự tin tưởng, sự quý trọng, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài từ cuối năm 2020 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh H xác định quan hệ vợ chồng giữa anh và Chị L có nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng giữa anh và Chị L đến nay là không còn và anh cũng đồng ý ly hôn với Chị L. Sau lần làm việc với anh H, Tòa án đã triệu tập, thông báo về phiên hòa giải cho bị đơn anh H, tuy nhiên anh H vắng mặt. Tại phiên tòa, Chị L xác định tình cảm vợ chồng của đôi bên là không còn nên chị vẫn giữ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh H. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị L, anh H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của Chị L, xử cho Chị L được ly hôn anh H là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng và phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nuôi con chung:* Chị L, anh H đều xác định vợ chồng không có con chung. Chị L, anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về tài sản, vay nợ chung:* Chị L, anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét nội dung này.

[6] *Về án phí*: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và cấp dưỡng.
Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- **Căn cứ**: Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; **khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39**, khoản 4 Điều 147; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- **Căn cứ**: điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2010 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn với anh Phạm Văn H.

- *Về nuôi dưỡng con chung*: Chị L, anh H không có con chung nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

2. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh D theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án **số AA/2021/0002111 ngày 09/02/2023**. Chị L đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân thị xã K;
- Chi cục thi hành án DS thị xã K;
- UBND xã T (nay là phường T), thị xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Khánh